

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN



刊月音圓

AN-NAM PHẬT-HỌC-HỘI PH

TÒA SOẠN : ROUTE NAM-GIÀO

174
NAM MÔ BỔN SỰ THÍCH CA MÃU NI PHẬT

Tác Đại Chứng Minh

VIÊN-AM NGUYỆT-SAN

Chủ-nhiệm Annam Phật-Học Chánh-Hội-Trưởng :

S. E. NGUYỄN-ĐÌNH-HỒE

Chủ bút : M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Danh-sách các vị trả tiền báo.

MM. Trần-thanh-Tài Qui-nhon	2.00	MM. Hòa-thương-Sắc Bắc-nhã- phạm tư Nhân	1.50
Lê-vân-Khai Sông-cầu	2.00	Trương-vân-Thông Sadee	3.00
Nguyễn-Tùng Sông-cầu	1.50	Lý-thị-Chơn Sóc-trăng	2.00
Nguyễn-vân-Tông P. Penh	2.00	Seerba Dalat	85.00
Phạm-kế-Bình	10.20	Hương-hóa	2.30
Trương-vân-Thông Sadee	3.00	Chi-hội Phở-chán	5.10
Lâm-vân-Hậu	5.00	Nguyễn-quan-Hân dit Ngọc- Liên Cao-lãnh	2.00
Thái-bình-Dương Chợ-lớn	4.00	Mme Huỳnh-thị-Xuân	2.60
Lý-vân-Khoảnh Thudámot	2.00	Hưng-hóa Hà-nội	2.30
Nguyễn-hữu-Triệu Paksé	2.00	Hồ-Cần Tam-quan (đo M. B. Cao trả)	1.50
Trịnh-v.-Phú A.B. Vientiane	2.00	Hoàng-Giám Hà-tĩnh	2.00
Hồ-môn-diệu-Trí	5.00	Đâu infirmier Trà-vinh	5.00
Chi-Hội Bình-son châu 12	13.24	Chi-Hội Bình-sơa Q-ngãi	10.40
Trương-vân-Cửa P. Penh	6.00		
Paul Fabry id	2.00		
Lê-vân-Dinh Quang-nam	2.00		
Nguyễn-tấn-Hy Tam-kỳ	2.00		
Seerba Q.-ngãi mandat 128	6.40		
Seerba Quang-ngãi (104)	13.13		
Chi-Hội Dran	15.15		





TRÌ-TRAI NIỆM PHẬT

(Tiếp theo)

NIỆM - PHẬT.

Đã tri-trai rồi, người tu-hành hàng ngày cần phải niệm Phật nghĩa là nhớ nghĩ đến đức từ-bi, trí sáng-suốt của Phật, thì mới có thể nương theo đức ấy mà làm các việc lành, theo trí ấy mà trừ các điều lầm-lạc. Phép niệm Phật có thể đưa người đến chỗ chứng-ngộ hoàn-toàn, và dầu người công-quả chưa tròn cũng có thể nhờ Phật tiếp-dẫn về các cõi tịnh-độ. Cõi tịnh-độ có thiện-duyên nhất với người xứ ta là Cực-lạc thế-giới.

Như trong Phật-thuyết-A-Di-Đà-kinh đã dạy, về phương Tây cách cõi Ta-bà này mười vạn ức cõi Phật, có một thế-giới tên là Cực-lạc, do công-đức Phật A-Di-Đà trang-nghiêm để tế-độ cho tất cả chúng-sanh. Trong cõi ấy, đức Phật A-Di-Đà đương hiện tại thuyết-pháp, có vô-lượng đệ-tử toàn là những bậc bồ-tát, a-la-hán. Người ở cõi ấy hóa-sanh nơi hoa sen, đồ - ăn thức-mặc tự-nhiên sẵn đủ, lại sống lâu vô-lượng vô-số kiếp nên nhờ Phật và thánh-chúng dắt-diu, quyết định trong một đời sẽ thành chánh-quả.

Nhờ đại-nguyện của đức Phật A-di-Đà, chúng sanh nào niệm danh-hiệu của Ngài đến chỗ nhứt-tâm-bất-loạn, dầu trong một ngày, cũng được vãng-sanh về Cực-lạc thế-giới.

Xem như vậy đủ biết phương-pháp tri-danh-niệm-Phật là một phương-pháp rất giản-dị, rất phổ-thông, dầu thượng-cần hạ-cần, dầu xuất-gia tại-gia, đều có thể tu được cả.

Song phép niệm-Phật có sự, có lý ; chúng ta cần nên hiểu lý thì sự niệm Phật mới đề đến chỗ nhứt-tâm-bất-loạn.

Về lý, một đều mà chúng ta cần phải tin chắc là toàn-thể chúng-sanh đều có Phật-tánh nghĩa là đều có thể tu-hành thành Phật. Phật-tánh tức là tâm-tánh của chúng ta. Tâm-tánh ấy rộng rãi bao la, cùng khắp pháp-giới, vô-thủy vô-chung, không sanh không diệt, lúc mê cũng không bớt, khi ngộ cũng không thêm, tuy biến-hiện và nhận biết muôn sự muôn vật của thế-gian và xuất thế-gian mà không hề lay động. Tâm-tánh ấy, chúng ta sẵn có, chỉ vì trong lúc phát-khởi ra sự hiểu biết, tâm chúng ta không tự-nhận bản-tánh, theo cái hiểu biết mà phân-biệt, chấp cái phân-biệt là thiệt sự nên mới có năng có sở, có tâm có cảnh, có minh có người, có ra có ghét. Chúng sanh như phân biệt mà có năng sở, có tâm cảnh, như tâm đối với cảnh mà có lục-căn lục-trần, như lục-căn lục-trần tiếp xúc với nhau mà hóa ra cảm-giác, như cảm-giác mà có khổ có vui, như khổ vui mà có ra có ghét, như ra ghét mà sanh ra phiền-não, xui phải gây nghiệp chịu báo trong vô-lượng vô-số kiếp. Chúng ta mê lầm cũng như người ngủ mê chiêm-bao thấy thân của mình, thấy cảnh ở ngoài, cũng biết cũng nghe, cũng ăn cũng nói, cũng nhìn nhận, cũng suy nghĩ, rồi cũng hôn giận, vui mừng, lo buồn, sợ hãi ; chợt tỉnh dậy mới biết là chiêm-bao, dầu thân dầu cảnh cũng đều là chiêm-bao, không phải sự thực, có gì đáng thân, đáng sợ, đáng ưa đáng ghét. Những cảnh-giới hiện chúng ta đương thụ-dụng đây đều do tâm mình mơ-tưởng vọng-động, phân biệt mà thành, dầu sự gì vật gì cũng đều do tâm biến-hiện, như huyền, như hóa, chỉ vì chúng ta chưa tỉnh-ngộ nên in tưởng là sự thực mà thôi.

Song chúng ta mê lắm lâu đời đã thành thói quen, muốn tỉnh-ngộ không phải là dễ. Chúng ta cần phải hằng ngày ghi nhớ đến đức từ-bi, trí sáng-suốt của Phật mới đoạn-trừ các vọng-tưởng và mới chứng được tâm-tánh.

Những buổi công-phu niệm Phật là những lúc rèn-tập cho thân-nghiệp khẩu-nghiệp trí-nghiệp đều được thanh-tịnh. Thân lạy Phật và ngồi đứng một cách đoan-chánh tức là thân-nghiệp được thanh-tịnh; miệng niệm danh-hiệu Phật không nói đến việc thế-gian tức là khẩu-nghiệp được thanh-tịnh; ý chuyên nhớ công-đức trí-huệ Phật, không nghĩ đến việc khác tức là ý-nghiệp được thanh-tịnh. Lại trong buổi công-phu, con mắt chăm ngó tượng Phật, lỗ tai chăm nghe tiếng niệm Phật, các căn khác đều thâu lại trong chỗ niệm, Phật thì tâm được yên-tĩnh không còn các điều loạn-tưởng đến khi đối với cái thân cái cảnh hiện tại như đối với bóng trong gương, với trấu dưới nước, dầu mất dầu còn cũng chẳng có gì đáng quan-tâm thì lần lần đến chỗ nhứt-tâm-bất-loạn.

Các buổi công-phu để lại nơi tâm chúng ta những dấu-vết sâu-sắc; dầu ngoài lúc công-phu, cái thân lạy Phật, cái miệng niệm Phật, cái ý tưởng Phật cũng khó bề tạo ra các nghiệp dữ.

Lại người niệm Phật không phải chỉ niệm danh-hiệu Phật trong buổi công-phu mà gọi là đủ, trong bình thường nhật-dụng, lúc nào cũng phải nhớ đến Phật; mà đã thường nhớ đến Phật thì có thể nương theo đức Từ-bi mà trừ lòng sân, nương theo đức Hỷ-Xả mà trừ lòng tham, nương theo trí Bát-nhã mà trừ lòng si-mê, kiêu-mạn, chấp-ngã chấp-pháp; nhưn đó mà cả ngày đều có thể tu-tri, lần lần đổi cải

tâm chúng-sanh thành ra cái tâm giác-ngộ, như người lau bụi trên mặt gương, hết bụi rồi thì mặt gương sáng-suốt.

Người niệm Phật thường nương theo đức-tánh tri-huệ của Phật mà sửa-trị cội gốc mê lầm; lúc ban đầu khi nhận biết là mê, cần phải quan-sát theo tri-huệ công-đức của Phật hàng lâu mới hết mê; lần lần cái mê càng nhẹ, cái giác càng nhiều, nên về sau vừa mới mê đã giác-ngộ được liền. Trong sự mê lầm, người niệm Phật bắt đầu đoạn được cái lòng ưa ghét, lần lần đoạn được các tướng như ngã, các tướng tâm-cảnh, các tướng năng sở và chứng được căn-bản-trí, tức là chứng được thường-trú pháp-thân.

Trong lúc tu chứng, người niệm Phật cần phải thề theo đức-tánh của Phật mà làm các Phật-sự, phát ra đại-nguyện rộng lớn mà làm lợi-ích cho tất cả chúng-sanh, xem thân như một đồ dùng tạm, xem cảnh như bọt nước sương mai, việc gì có lợi-ích cho chúng-sanh thì quyết chí làm cho được, không kể mệt nhọc, không kể đối khác, dầu bị người chê cười cũng không khác gì được người khen ngợi, thì mới khế-hiệp được với đức-tánh của chư Phật.

Người niệm Phật lại cần phải tin chắc như quả; lúc nào dầu ít hay nhiều, cũng gán tạo những như tốt chớ không hề mong ước kết-quả, vì biết hẳn có như thì có quả, không hề sai chạy. Lại trong lúc tu-hành dầu gặp việc gì cũng cho là cái quả đời trước, không hề lo sợ buồn rầu, không hề chán-nản thối-chí.

Thưa liệt-vị thiện-tín, tâm chúng ta vẫn thường còn mà chúng ta phải chịu những sự vô-thường, khi trẻ khi già, khi lành khi đau không chừng; tâm chúng ta vẫn rộng lớn mà hiện chúng ta ngoài mười cây số không thể nghe thấy gì; tâm chúng ta vẫn sáng-suốt mà hiện chúng ta

không biết tâm là gì, không biết từ đâu mà đến thụ-sinh xứ này, và chết rồi lại phải đi đâu; tâm chúng ta vẫn trong sạch mà hiện chúng ta khi tham khi giận, khi buồn khi vui, hết lo đều này đã sợ đều khác, thiệt rất khổ sở. Vậy chúng ta cần phải hồi-tâm tỉnh-ngộ, nương theo Phật-pháp mà tu-tri, tu cho hết đều phân-biệt, tu cho hết sự mê-lắm thì cái khổ hiện thời mới có ngày tiêu-diệt.

Cồ-Đức có câu : « có phiền-não thì không bồ-đề, có bồ-đề thì không phiền-não »; phiền-não tức là chúng-sanh, bồ-đề tức là Phật; chúng ta nỗ lực phiền-não che lấp tâm-tánh làm cho chúng ta phải bị luân-hồi khổ-sở mãi mãi hay sao? Vậy tôi trông mong các ngài phát-tâm tri-traị niệm Phật thì phiền-não mới có ngày dứt trừ, bồ-đề mới có ngày hiển-hiện.

Nam-Mô-A Di-Đà-Phật.

NGUYỄN-THỦY-LUNG, (Nam-Định)

KÍNH CÁO

Các tỉnh hội An-Nam Phật-Học và các hội-viên, muốn in giấy-má, sô-sách hoặc xuất-bản sách Phật, nhà-in Mirador 'Vien-De' sẽ tính giá riêng. Muốn được giá riêng, phải có ông Tráng-Định, quản-lý Viên-Am, giới-thiệu.

LỢI-THA

(Bài giảng tại chùa Long-Khánh trong lễ Phật-Đản năm 1940 do Tỉnh-Hội Bình-định tổ chức).

Nam-mô Bồn-Sư Thích-Ca Muu-Ni Phật,

Thưa các ngài,

Người ta sanh ra ở đời, có ai dám tự-phụ chẳng cần đến kẻ khác. Không nói chi xa xuôi, chính như cái áo chúng ta đương mặc đây, đã tom-góp công-trình biết bao nhiêu người, nào là người trồng bông kéo chỉ, kẻ dệt vải làm nút, người cắt kẻ may mới thành được cái áo. Xét rộng ra nữa thì riêng một người trồng bông đã phải dùng cày dùng cuốc, mà muốn có cày có cuốc, phải có thợ rừng đốn gỗ. Có thợ rèn thợ mộc mới được. Mà chính người thợ rèn muốn có sắt lại phải cần đến người tìm mỏ, đào mỏ, nấu sắt... vân... vân... Thiệt không thể kể xiết.

Chúng ta chỉ mới xét nơi một cái áo đã thấy phải cần đến chừng ấy người, thì chúng ta đủ biết trong một đời sống đã phải cần biết bao nhiêu người giúp đỡ. Vì người đời nhờ sự giúp đỡ của mọi người mà sống, nên ai ai cũng đều có cái bổn-phận giúp đỡ cho mọi người. Nhơn đó mà phát-sanh ra cái chủ-nghĩa Lợi-Tha là cái đầu đề của bài giảng chúng tôi hôm nay.

Lợi-tha là làm đều lợi-ích cho người khác. Lợi-tha và ích-kỹ trái hẳn với nhau, hễ có ích-kỹ thì không lợi-tha,

mà hễ lợi-tha thì không khi nào ích-kỹ. Vậy muốn thực-hành chủ-nghĩa Lợi-tha, trước hết cần phải xét rõ và đoạn-trừ cái tánh ích-kỹ.

ÍCH-KỸ

Ích-kỹ là bất cứ trường-hợp nào, địa-vị nào cũng khư khư tìm cách làm lợi cho mình dầu người khác bị thiệt hại bao nhiêu cũng mặc. Người quen thói ích-kỹ lần lần mất cả lương-tâm chẳng biết gì là dè-ôn đáp nghĩa, là luân-lý cương-thường, cho đến những điều dè-tiện, miễn có lợi là họ sẵn lòng làm không kể gì đến phẩm-giá.

Chúng ta thường nghe thấy những vụ vu - oan giá-họa, những vụ cướp của giết người, những cử chỉ đê-hèn độc-ác làm cho nhiều người bị thiệt-hại, nếu xét rõ nguyên-nhơn, thì chỉ vì tánh ích-kỹ mà thôi. Lại cũng vì lòng ích-kỹ mà nhiều nghề-nghiệp hay, nhiều bài thuốc thần-hiệu, bị giữ bó bó làm món gia-bảo, đến đời về sau phải bị thất-truyền vì không người kế-tự; tai-hại cho hơn-loại biết là ngần nào. Trong gia đình thì người ích-kỹ muốn cha mẹ thiên-vị mình hơn, muốn anh em bà con đề mình lợi-dụng, dầu mình không hề biết thảo-thuận, biết giúp đỡ ai. Lòng tham-lam của người ích-kỹ không có bờ bến nên không bao giờ họ được thỏa lòng; hơn đó mới gây ra những việc đáng xé kiện thưa, những thảm-kịch con đối cha, vợ hại chồng và biết bao điều thương luân bại lý khác.

Khi tiếp xúc tới xã-hội thì người ích-kỹ khuấy phá người này, xui dục người kia, vận dụng đủ điều, lừa gạt đủ cách, miễn cho được lợi về phần mình, không kể chi đến tai-hại về sau cho xã-hội.

Nhà nào nhiều người ích-kỹ thì nhà ấy phải tan rã, nước nào nhiều người ích-kỹ thì nước ấy phải đê-hèn. Tánh

ích-kỹ làm cho nhơn-loại thói bộ không biết đến đâu là cùng.

Tập nhiệm ích-kỹ ở xa ta. — Trong nước Việt-Nam ta thường thấy nhiều nhà học-thức than-phiền rằng trình-độ thấp kém, nhơn-tâm hư-hèn, nhưng không mấy ai xét rõ nguyên-nhơn vì đâu, nếu họ xét rõ thì sẽ biết nguyên-nhơn chỉ vì cái tập nhiệm ích-kỹ hại-nhơn lâu đời; các điều hủ-bại tê-liệt, đê-hèn độc-ác đều do lòng ích-kỹ mà biến ra cả.

Cái tập nhiệm ích-kỹ ấy do đâu mà phát-hiện? Tại Khổng-giáo ư? Tại Lão-giáo ư? Tại Phật-giáo ư? Tại Dương-mặc ư? Tại Âu-học ư? Hay tại nguyên-nhơn khác ư? Các điều ấy, chúng ta cần phải suy cứu rõ ràng mới tránh cái nạn nhắm mắt nói càng, không đủ căn-cứ.

1.) Khổng-giáo. — Trong Khổng-giáo, chúng ta nhận thấy nhiều chỗ dạy người phải biết tu-thân, bỏ những tánh xấu, thương người thương vật và làm lợi ích cho đời, chớ chưa hề thấy dạy những điều ích-kỹ.

Như sách Trung-Dung, tuy cốt chỉ về cái đạo không-thiên-chấp, không thay đổi, nhưng trong đó cũng có nhiều câu răn dạy ích-kỹ, dạy việc lợi-tha, như câu: « Thi chư kỹ nhi bất nguyện, diệt vật thi ư nhơn » (thi-hành nơi mình mà mình không ưng thì cũng đừng thi-hành nơi người) là dạy người phải suy kỹ cập nhơn, như mình không ưng bị hại thì không được làm hại người khác. Lại như câu: « Thành gia phi tự thành kỹ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã » (cái đức chắc thiệt, không phải chỉ tự thành-lập cái đức cho mình mà thôi đâu, lại cốt để thành-lập cái đức cho người khác vật khác) là dạy người theo đạo Trung-Dung, cần phải phát tâm lợi-tha, dạy người đồng tu-tập theo đạo Trung-Dung, chớ không phải chỉ tu riêng một phần mình mà gọi là đủ.

Còn như trong sách Đại-Học, dạy về chánh-tâm, có câu : “Thân hữu sở phần sí, tác bất đắc kỳ chánh ; hữu sở khùng cụ, tác bất đắc kỳ chánh ; hữu sở háo nhạo, tác bất đắc kỳ chánh ; hữu sở ưu hoạn, tác bất đắc kỳ chánh” (Thân có chỗ hèn giận thì tâm không đặng chánh ; có chỗ e sợ thì tâm không đặng chánh ; có chỗ ưa thích thì tâm không đặng chánh ; có chỗ lo lắng thì tâm không đặng chánh), là dạy người đời muốn cho tâm chơn-chánh, không có tà-mị, thì những điều hèn giận, e sợ, ưa thích, lo lắng còn phải dứt bỏ cho hết, hướng nữa những điều ích-kỹ hại-nhơn.

Về phần trị-quốc thì có câu : “Dân chi sở háo háo chi, dân chi sở ố ố chi, thử chi vị dân chi phụ mẫu” (việc gì dân ưa thì mình ưa, việc gì dân ghét thì mình ghét, thế mới gọi là cha mẹ của dân) là dạy người phải chính mình không còn các sự ưa ghét và phải thể theo lòng ưa ghét của quần-chúng mà lo việc trị-quốc, để cho quần-chúng được phần lợi-lạc.

Song lợi-lạc đây không phải chỉ lợi-lạc về vật-chất đâu. Cũng trong Đại-Học, về phần đức-dục của quần-chúng, lại có câu : “Bất dĩ lợi vi lợi, dĩ nghĩa vi lợi dã” (không lấy cái lợi làm cái lợi, lấy cái nghĩa làm cái lợi vậy). Cái Nghĩa là đức-tánh công-bằng chánh-trực, tùy theo địa-vị giữ đủ bổn-phận, không hề xâm-lạm của ai ; thể đủ biết Khổng-giáo rất chú-trọng về sự lợi-tha, chẳng những lợi-tha về vật-chất lại còn lợi-tha về tinh-thần nữa.

Sách Luận-Ngữ thì cốt dạy loài người tu-tập lòng nhân-ái, như những câu : “Tiết dụng nhi ái nhơn” (tinh kiệm các điều cần dùng mà thương người) ; “Phiếm ái chúng nhi thân nhơn” (Rộng thương mọi người và gần-gũi các bậc nhơn-tử) ; “Kỹ dục lập nhi lập nhơn, kỹ dục đạt nhi đạt nhơn”

(minh muốn thành-lập) thì làm cho người thành-lập, minh muốn thông-suốt thì làm cho người thông-suốt); đều dạy đời về lòng nhơn-ái cả.

Trong sách Mạnh-Tử, về lòng nhơn-ái, lại còn dạy người chẳng những phải thương người mà cần nêu mở rộng lòng nhơn-ái thương đến loài cầm-thú. Xem như câu: "Quần-tử chi ư cầm thú giả, kiến kỳ sanh bất nhãn kiến kỳ tử, văn kỳ thanh bất nhãn thực kỳ nhục" (người quần-tử đối với loài cầm-thú, thấy nó sống thì không nở thấy nó chết, nghe tiếng nó kêu thì không nở ăn thịt) thì đủ biết Khổng-giáo dạy người lợi-tha đến bậc nào, vì chẳng những dạy phải bỏ lòng ư ghét của mình mà thương người, mà lại còn dạy phải mở rộng lòng nhơn, thương đến loài cầm-thú nữa. Vậy Khổng-Giáo không thể phát-sanh cái tập-quán ích-kỹ của xứ ta.

2) **Lão-Giáo.** — Lão-Giáo cốt chỉ rõ muôn sự muôn vật đều là danh-tướng đối-đãi để cho người tu-hành thường không dục-niệm đề nhận thấy chỗ thanh-tĩnh của vũ-trụ, lại thường phát ra dục-niệm đề xét chỗ biến-hóa của vũ-trụ, lần đến chỗ huyền-diệu, nhận rõ chơn-tánh thì mới đắc-đạo. Song Lão-Giáo cũng rất chú-trọng về các việc lợi-tha, và dạy người bỏ các tư-tâm, làm việc từ-thiện. Kinh Lão-Tử có câu: «Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vật nhi bất tranh» (lòng lành bậc trên như nước, nước khéo làm lợi ích cho muôn vật mà không tranh dành) là dạy người phát cái thiện-niệm rộng lớn làm lợi-ích cho mọi người mà không hề kể công kể ơn, tranh-danh trục-lợi.

Lại có câu: «Thánh-nhơn thường thiện cứu nhơn, cố vô khí nhơn, thường thiện cứu vật, cố vô khí vật» (vị thánh-nhơn thường khéo cứu người nên không có người bỏ, thường khéo cứu vật nên không có vật bỏ) là dạy phải cứu người giúp vật một cách hoàn-mãn, không phân-biệt kể ngu người trí, kẻ dữ người lành.

Về phần xử thế, Lão-Tử nói : « Tri túc bất nhục, tri chí bất đãi » (biết vừa đủ thì không bị nhục, biết dừng lại thì không bị nguy) là dạy người phải bớt lòng tham, theo chánh-đạo.

Còn như câu : « Thánh như vô thường tâm, dĩ bách tánh chi tâm vi tâm » (Vị thánh-nhơn không có tâm nhất định, lấy tâm bách-tánh làm tâm của mình) là dạy phải thể theo lòng hy-vọng của mọi người mà giúp đỡ dạy bảo, dầu người lành hay người dữ, người tin hay người không tin, cũng vẫn một lòng thân-thiện thành-tín, không hề chấp trách, như đối với trẻ thơ ; thế thì biết Lão-giáo rất chú-trọng về lòng nhưn-ái lợi-tha, quyết không thể sanh được cái thói quen ích-kỹ.

3.) **Phật-giáo.** — Phật-giáo thì lấy từ-bi làm gốc, lấy độ-sanh làm bổn-phận, hằng ngày dạy cách ly-dục, dạy lý vô-ngã, đã không nhận có cái kỹ, lại dạy phải nhận toàn-thể chúng-sanh là mình, thì lẽ đâu sanh được cái thói quen ích-kỹ.

4.) **Dương-Mặc.** — Còn Dương-Tử Mặc-Tử thì ít ảnh-hưởng đến tâm-lý xử ta, nhưng dầu sao cũng không hề dạy đều ích-kỹ. Dương-Tử tuy dạy người vị-kỹ nhưng trong cái kỹ của Dương-Tử trùm cả muôn sự muôn vật nên thiệt-sự vẫn khôn- lúc nào không dạy việc lợi-tha. Mặc-Tử tuy mê-tin thần-quyền nhưng cũng khéo lợi-dụng thần-quyền mà dạy đều nhưn ái, lẽ đâu sanh đặng cái thói quen ích-kỹ.

5.) **Âu - Học.** — Trong xứ ta, Âu - Học đương trong thời-kỳ bán-khai, triết-học chưa phổ-thông giữa quần-chúng nên ảnh-hưởng về tâm-lý còn ít. Song những bài dạy luân-lý trong các trường tiểu-học cũng đã thường chỉ về đạo làm người, lẽ đâu phát sanh được thói quen ích-kỹ.

6.) **Nguyên-nhơn khác.** — Vậy cái thói quen ích-kỹ từ đâu mà sanh, tất-nhiên phải do những nguyên-nhơn khác. Nguyên-nhơn đó là lòng tham, sân, si, mạn của chúng sanh ; song những lòng tham, sân, si, mạn phát triển được một cách đầy đủ đến thế ở xứ ta mặc dầu có những nền đức-dục vững - vàng, xét ra cũng không phải là ngẫu-nhiên, mà chính là vì ba cái trợ-duyên như sau này :

a) Danh mà không thiết,

b) Học mà không hành.

c) Sự mà không lý.

a) *Danh mà không thiết.* — Dân xứ ta chẳng biết từ hồi nào đã đua nhau mưu-cầu hư-danh, dầu không chút gì phù-hợp với sự thật.

Người học Khổng-giáo chỉ trông đợi cử-nhân tấn-sĩ nên toàn học về lối khoa-cử, không hề nghĩ đến đạo-đức. Vậy nên tuy tiếng là học-trò Khổng-Tử mà bước đầu tu-thân đã chẳng mấy ai cần nghĩ đến, hướng nữa là tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ.

Học-trò Lão-giáo thì đua nhau làm Lão-sư Pháp-sư, học-trò Phật-giáo thì đua nhau làm Tăng-Cang Hòa-thượng, dầu không biết đạo hay không biết tu cũng mặc.

Bên Âu-châu xưa nay vốn trọng về thực-tế, thế mà Âu-học truyền qua xứ ta thì đối với phần đông đã thành lối học lấy bằng-cấp, chớ không phải là lối học thực-tế nữa, vì người xứ ta phần nhiều chỉ thích hư-danh, không thiết tham-học thấu-đạo.

b) *Học mà không hành.* — Dầu có người chuyên học đi nữa, nhưng một phần đông cũng chỉ học cho biết mà thôi, chớ không hề nghĩ đến thiết-hành. Đời xưa làm

người học Nho cũng biết thế nào là lễ nghĩa liêm sỉ, hết nào là thành-ý chánh-tâm, nhưng biết thì biết, chớ không hề chịu thiệt-hành, đến khi vì thất-tình xui-giục, làm càng làm quấy, bị tai bị họa thì lại đổ cho số mạng. Họ cho các việc cách-vật tri-tri là phần việc các ông thánh đời xưa, nên chẳng mấy ai thiệt-hành thử cho biết thế nào.

Còn Lão-giáo đối với họ chỉ là lối lãng-mạn phóng dăng đề làm thơ làm bài cho có kiểu thần-tiên, chớ chẳng mấy ai phát tâm tu-học cho rõ biết chơn-tánh của vũ-trụ.

Về Phật-giáo thì có lẽ còn tệ hơn nữa ; chẳng nói chi những đều không học đến, chính những đều đã biết rõ mà cũng chẳng hề khi nào chịu làm, thậm chí có thầy đạo Phật vẫn quy-y với các quỷ thần, vẫn tụng-niệm những kinh ngoại-đạo !

Đến ngày nay Âu-Học truyền sang xứ ta, một phần lớn cũng chỉ học cho biết mà thôi, chẳng mấy ai dùng chỗ học của mình mà làm những việc thiệt-ích.

c) *Sự mà không lý.* — Dầu cho có người phát tâm thiệt-hành đi nữa, nhưng phần đông thì sách bảo thế nào làm theo thế ấy, không cần nghiệm-xét nguyên-ủy, nên đến khi hư hỏng đều gì thì chẳng mấy ai biết hồi-cứu.

Âu-học đời này thì vậy, Không-giáo, Lão-giáo, Phật-giáo đời xưa cũng vậy. Về Không-giáo Lão-giáo thì chú-thích thế nào cứ y chữ một mà học theo, không hề dám phát minh một ý-kiến gì. Về Phật-giáo thì còn quá hơn nữa ; chính cái việc truyền qui-giới là một việc rất phổ-thông mà cũng chỉ lo về sự tướng, chớ không hề nghĩ đến đạo-lý. Tin-đồ thì quy-y để cho có điệp, chẳng hề cần biết quy-y với ai, quy-y để làm gì và quy-y phải thế nào.

Tăng-đồ thì thọ Tĩ-kheo-giới, Bồ-tát-giới mà lắm khi không biết phải giữ những giới gì ; thế rồi cũng làm đủ lễ-nghi, cũng tổ-chức những trường kỳ, đoán-ký, cũng truyền cũng thọ mà lắm khi người truyền cũng không biết truyền cái gì, người thọ cũng không biết thọ cái gì, thiệt là một đều lạ-lùng hi-hữu.

Xưa nay việc gì cũng có sự có lý, nhưn nơi lý mà tạo ra có sự nhờ có sự mà lý càng rõ ràng, chớ nếu chỉ làm cái sự mà không có lý thì khác gì học chữ không biết nghĩa, phỏng còn lợi-ích gì.

Do trong xứ ta có ba cái nhược-điểm ấy nên giáo-lý nào qua xứ ta cũng hóa lai, học-thuyết gì qua xứ ta cũng hóa ra vô-dụng, thảo nào không ích-kỹ hại nhưn, gây ra những mối khổ cho mình và cho kẻ khác.

PHƯƠNG PHÁP TRỪ LÒNG ÍCH-KỸ

Muốn phá tan cái mầm ích-kỹ ấy đi thì không phương thuốc nào hay bằng phương thuốc lợi-tha. Vẫn biết đầu tôn-giáo nào đạo-lý nào cũng dạy về việc lợi-tha nhưng đối với cái thói quen ích-kỹ đã lâu đời thì phải dùng những phương thuốc rất mạnh mới cứu chữa nổi.

Các tôn-giáo các đạo-lý, tuy có dạy phải thương người cứu vật, nhưng cũng chỉ nói suông, chưa hề cất-nghĩa rõ-ràng. Đầu cho nói như Khổng-giáo : « Ái nhưn dã nhưn hăng ái chi, kính nhưn dã nhưn hăng kính chi » (thương người ta thì người ta thương thương mình, kính người ta thì người ta thường kính mình) ; nhưng đến khi thương mà người ta không thương, kính mà người ta không kính thì rất dễ sanh lòng chán-nản. Đầu cho dạy như Lão-giáo : « Thiện-hành vô triệt-tích » (việc làm hay không có dấu-vết), nhưng đã có người đối với mình, sao cho khỏi so-đo chấp-nệ.

Vậy muốn thiêt-hành chủ-nghĩa lợi-tha tất-nhiên phải cần có những đạo-lý thiêt-thiệt hơn của đạo Phật :

A) Đạo-lý nhơn-quả,

B) Đạo-lý vô-ngã,

C) Đạo-lý đồng-thề,

A) *Đạo-lý nhơn-quả*. — Đạo-lý nhơn-quả gồm trong câu: «Dục tri tiền thể nhơn, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thể quả, kim sanh tất giả thị» (muốn biết cái nhơn đời trước thì chỉ xem sự hưởng thọ đời nay, muốn biết cái quả đời sau thì chỉ xem sự hành-động đời nay). Theo đạo-lý ấy thì làm nhơn lãnh được quả lành, làm nhơn dữ chịu quả dữ; mình làm lợi-ích cho người thì lợi-ích ấy sẽ trở lại cho mình; mình làm tổn-hại cho người thì tổn-hại ấy sẽ trở lại cho mình; nên trong lúc làm lợi cho người chính là làm lợi cho mình, dầu người ta biết ơn báo-đáp thì cũng chỉ là cái quả hiện tại của cái nhơn hiện-tại; dầu người ta không biết ơn báo-đáp thì cũng sẽ có cái quả vị-lai của cái nhơn hiện-tại, không việc gì phải kè ơn, phải cầu báo.

B) *Đạo-lý vô-ngã*. — Xưa nay chúng sanh tạo những nghiệp dữ, ích-kỹ hại-nhơn, phát ra những lòng tham sân si mạn, làm cho phải chịu những cái khổ già đau sống chết, nguyên-nhơn chỉ vì nhận lầm có cái thiêt-ngã (có cái ta thiêt) mà thôi. Giáo-lý của Phật xét rõ cái thân này không phải là ta, các cảm giác, các tưởng tượng, các suy nghĩ các hay biết đều không phải là ta, nên nhận được cái ta chỉ là giả-danh không có thiêt-thề. Cái ta đã không thiêt-thề thì cái kỹ cũng không còn, làm sao sanh được lòng ích-kỹ.

C) *Đạo-lý đồng-thề*. — Đại-thừa Phật-giáo lại xét toàn-thề vũ-trụ ảnh-hưởng với nhau mà thành, muốn sự muôn vật đều duy-tâm biến-hiện, nên mình và muôn sự muôn vật cùng

đồng một thể, chỉ vì mê mới chia ra có nhọn có ngà, có cảnh có tâm. Đại-thừa Phật-giáo nhận cái đồng-thể ấy nên phát lòng đại-bi, nguyện thương-yêu giúp-đỡ, dắc-diu cứu-độ hết thấy chúng-sanh trong vô-lượng kiếp. Hàng Đại-thừa đối với chúng-sanh như đối với con mắt của mình, hằng ngày thân-mật bảo-bộ không hề rời bỏ. Các vị ấy nhận tất cả chúng-sanh là mình, là phần tử của pháp-thân mình, nên đâu người lành hay kẻ dữ, đâu có duyên hay không duyên, đều một lòng từ-bi cứu-độ, không hề phân-biệt, không kể công-trình, đâu phải hy-sanh vô-lượng vô-số thân mạng cũng không hề thối-thác.

Ba cái đạo-lý ấy, ai mà hiểu được tin được, đâu chỉ tin một phần, cũng có thể làm việc lợi-tha một cách mạnh mẽ.

Vậy muốn xưng mình chủ-ngĩa lợi-tha để trừ tuyệt cái tập-nhiệm ích-kỹ hại-nhơn trong xứ ta, không gì bằng xưng-mình Phật-giáo.

Như-Nghiêm VÕ-VĂN-TRANG



ĐẠI-Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

• (tiếp theo)

Phật lại phá các nghĩa nhơn-duyên tự-nhiên và trách ông A-Nan chỉ học văn-tự không biết thiệt-hành.

Ông A-Nan nghe Phật phá nghĩa nhơn-duyên, lại nghe Phật dạy hễ đoạn-trừ được ba duyên thì ba cái nhơn không sanh và mê lầm tự hết, nên nghi có đều mâu-thuần. Ông lại xét chẳng những hạng trẻ tuổi như ông nhờ nhơn-duyên khai-thị của Phật mà đặng khai-ngộ, cho đến các vị đại-đức trong chúng cũng đều vì rõ lý nhơn-duyên mà đặng khai-ngộ cả, vậy lý nhơn-duyên rất có ích cho người tu-hành. Huống chi không nhơn-duyên tức là tự-nhiên; nếu Phật bát nhơn-duyên thì những thuyết tự-nhiên của các ngoại-đạo trở thành chánh-pháp; đều đó rất khó nhận, nên ông A-Nan xin Phật giải-quyết chỉ dạy lại cho rõ.

Phật đáp: « A-Nan, tức như Diên-Nhã-Đạt-Đa trong thành, nếu diệt-trừ đặng nhơn-duyên tánh diên, thì tánh không diên tự-nhiên hiện ra; lý nhơn-duyên, tự-nhiên chỉ như vậy thôi.» Lời tuy vắn tắt nhưng ý-nghĩa rất sâu xa, toàn-thể những thuyết nhơn-duyên, tự-nhiên thế-gian cũng chỉ như vậy thôi. Nhơn-duyên và tự-nhiên đối-đãi với nhau mà thành, có nhơn-duyên thì không tự-nhiên, có tự-nhiên thì không

nhơn-duyên nên nhơn-duyên tánh diên diệt-trừ thì tánh không diên tự-nhiên hiện ra ; nhơn-duyên tánh không diên diệt-trừ thì tánh diên tự-nhiên hiện ra ; chẳng có gì là thật-thề.

Về sau, Phật lấy cái đầu của Diễm-Nhã-Đạt-Đa làm ví dụ mà chỉ cho biết rằng nhơn-duyên, tự-nhiên đều là những danh-tướng giả-dối do vọng-tướng phát ra. Đối với thể-tánh bất-sanh bất-diệt, vọng-tướng nhận có sanh diệt ; nhơn nhận có sanh nên nhận có nhơn-duyên hòa-hiệp mà sanh, nhơn nhận có diệt nên nhận có nhơn-duyên chia-rẽ mà diệt. Đã nhận các cái sanh-diệt làm nhơn-duyên thì lại nhận cái không-sanh-diệt là tự-nhiên. Vì chúng-sanh nhận lầm cái không-sanh-diệt đối-đãi là chơn-thật, nên lẫn-quần loanh-quanh trong vòng sanh-diệt không thể ra khỏi. Nếu thiệt nhận biết bản-thể bất-sanh bất-diệt, bản-lai như vậy, không hề thêm bớt thì chính nơi nhơn-duyên hòa-hiệp tức là bất-sanh, chính chỗ nhơn-duyên chia-rẽ tức là bất-diệt ; thể mới ra ngoài được các danh-tướng đối-đãi và nhận biết nhơn-duyên, tự-nhiên chỉ là giả-sanh mà thôi. Song nói như vậy còn là phương-tiện, thiệt ra thì cái bất-sanh-diệt ra ngoài danh-tướng, ra ngoài ngôn-thuyết, không phải lấy lời nói mà nói được, không phải lấy trí-nghi mà nghĩ được. Vậy nên cần phải y như chánh-pháp siêng-năng tu-hành nhiều kiếp mới có thể chứng-nhận, chớ dẫu học cho mấy mà không hành thì cũng chỉ ở trong vòng danh-tướng mà thôi.

Bước tu-hành đầu tiêu cốt phải cách xả các sự ưa ghét, tâm đối với sự - sự vật - vật không sanh lòng ưa, không sanh lòng ghét, tức là tâm được thanh-tịnh, tâm được

chánh-định, tức là tam-ma-đề. Chớ nếu không quan-sát tu-tập, đoạn-trừ các sự mê lầm thì dầu học nhiều biết rộng cũng như người nói ăn mà không ăn, không thể nào no bụng.

Nhưng chúng ta lại cũng nên biết đoạn này là Phật dạy cho ông A-Nan, một bực đã hiểu rõ Phật-pháp; đến như những người chưa biết Phật-Pháp là gì. nếu cứ tu mà không học thì lại không khác gì người không biết đường mà cứ đi càng, tránh sao khỏi các sự lầm-lạc. Vậy chúng ta cần phải học cho rõ chánh-pháp; rõ rồi thì phải gắng công tu-tập theo chánh-pháp chớ không nên lấy cái học làm đủ, thì mới khỏi phụ công đức chỉ dạy của Phật.

(còn nữa)

MỘT LỜI PHÁT TÂM

Tại Bình-định có một người tên là Đoàn-Đốc 18 tuổi, được thừa hưởng số tiền 100\$00 của cha mẹ để lại dựng lo việc cưới vợ làm ăn, nhưng có lẽ biết vì cảnh vô-thường, Đốc đã chẳng có ý nghĩ đến vợ con, mà lại muốn dùng số tiền ấy để gởi trong một chùa và quyết chí tu thân học đạo.

Vừa rồi nghe tin Hội Phật học Huế có trường đào tạo tăng tài, nên M. Đốc đã gởi đơn xin tòng học và xin ký số tiền 100\$00 tại hội. Thấy chỗ phát tâm đồng-mãnh, hội đã chấp đơn và cấp học bổng cho M. Đốc, còn số tiền 100\$00 thì tạm giữ đến khi nào cần sẽ trả lui.

KINH - THỦ - LĂNG - NGHIÊM

diễn nghĩa

(tiếp theo)

Ông A-Nan cùng với đại-chúng nghe Phật chỉ dạy, tiêu hết nghi-lâm, ngộ được thực-tướng (trống chơn thật), thân và ý đều nhẹ-nhàng an-lành, đặng cái pháp chưa-từng-có, rồi lại thương khóc đánh-lẽ sát chân, quý dài chấp tay mà bạch Phật rằng: «Đức Thanh-Tịnh Bảo-Vương (Phật) có lòng đại-bi vô-thượng, đã khéo khai-ngộ cho tâm ôi và khéo dùng các nhơn-duyên như trên, phương-tiện dắt-diu các kẻ mờ-tối chìm-dắm lẫn khỏi biển khổ ! Bạch Thế-tôn, tuy nay tôi vâng nghe pháp-âm như vậy và biết cái như-lai-tạng-diệu-giác-minh-tâm (chơn-tâm) khắp cả thế-giới mười phương, trùm chứa các thanh-tịnh bảo-nghiêm diệu-giác-vương-sát của Như-lai (Phật-sá) trong quốc-độ mười phương ; Như-lai lại trách tôi đa-văn vô-dụng và không quyết tu-tập ; tôi nay in như người đương trôi-nổi, thoát nhờ thiên-vương cho cái nhà tốt, tuy đặng nhà lớn nhưng cốt-yếu phải do cửa mà vào ; xin nguyện đức Như-lai đại-bi bất-xã (không rời không ngớt) khai-thị cho kẻ mờ-tối trong chúng-hội này biết rời bỏ tiêu-thừa và rớt-ráo nhận đặng lối sơ-phát-tâm về vô-dư niết-bàn của Như-lai, đề cho những kẻ hữu-học biết cách thâu-đẹp lòng phan-duyên lâu đời, đặng phép Tông-tri và chứng-nhận tri-kiến củ Phật». Nói lời ấy rồi, ông đeo năm vóc xuống đất, cùng cả chúng-hội đều một lòng trông đợi từ chỉ của Phật.

Khi ấy, đức Thế-tôn thương-xót những hàng thanh-văn duyên-giác chưa được tự-tại đối với tâm bồ-đề và hiện ở trong hội, lại vì những chúng-sanh phát tâm bồ-đề trong đời mật-pháp,⁹ sau khi Phật diệt-độ, khai-thị đường tu-hành nhiệm-mầu của vô-thượng-thừa, chỉ dạy ông A-Nan và đại-chúng rằng: « Các ông quyết-định phát tâm bồ-đề, đối với phép tam-ma-đề (Chánh-định, đẳng-tri), nhiệm-mầu của Phật Như-lai không hề sanh lòng mỏi-mệt, thì trước hết nên rõ hai nghĩa quyết-định trong lúc mới phát giác-tâm.

Thế nào là hai nghĩa quyết-định trong khi sơ-phát-tâm? A-Nan, nghĩa thứ nhất là nếu các ông muốn rời bỏ phép thanh-văn, tu bồ-tát thừa, đề chứng nhận tri-kiến của Phật thì cần phải xét kỹ chỗ phát-tâm nơi nhơn-địa và chỗ giác-ngộ nơi quả-địa là đồng hay là khác?

A-Nan, nếu trong nhơn-địa lấy tâm sanh-diệt làm cái bản-nhơn tu-hành đề cầu cái quả bất-sanh bất-diệt của Phật-thừa thì không lẽ nào được. Do cái nghĩa ấy, ông nên xét rõ cái pháp có thể làm ra trong khi-thế-gian đều lần phải thay đổi diệt mất. A-Nan, ông xét các pháp có thể làm ra trong thế-gian có cái chi là không tan-nát, mà không bao giờ nghe tan-nát hư-không. Vì sao? Hư-không không phải cái bị làm ra, nên thủy-chung không hề tan-mất vậy.

Vậy trong thân ông, tướng cứng là địa-đại, thấm ướt là thủy-đại, chạm nóng là hỏa-đại, lay động là phong-đại; do bốn cái ấy ràng buộc nên chia cái trạm-viên diệu-giác-minh-tâm (chơn-tâm) của ông làm thấy, làm nghe, làm biết, làm xét, từ đầu đến cuối tạo thành năm lớp huyễn-trước (đục vẫn).

Thế nào là trực? A-Nan, ví như nước trong, bản-nhiên trong sạch, lại như những bụi, đất, tro, cát kia, bản-chất ngăn-ngại; hai thứ ấy, bản-lai không thể hiệp nhau; có người thế-gian lấy đất bụi, kia quảng trong nước sạch thì đất mất tánh ngăn-ngại, nước mất tánh trong sạch trông-trạng đục vẩn nên gọi là trực. Năm lớp trực của ông cũng giống như vậy.

A-Nan, ông thấy hư-không khắp thế-giới mười phương, cái không và cái thấy không thể rời nhau; nhưng tuy có không mà không thiệt-thề, tuy có thấy mà không thiệt-biết, hai cái ấy xen lộn giả-dối thành lập cái lớp thứ nhất gọi là kiếp-trực.

Thân ông hiện ôm tứ-dại lăm tự-thề; thấy nghe hay biết bị ủng-trệ (hạn-chế) thành có ngăn-ngại; địa thủy hỏa phong thì xoay lại thành có hay biết; hai bên xen lộn giả-dối thành-lập cái lớp thứ hai gọi là kiến-trực.

Lại trong tâm ông, nhờ biết học tập phát ra cái tri-kiến, dung-nạp phát-biện sáu trần; sự ấy rời trần ra thì không tướng, rời giác ra thì không tánh, giao xen giả-dối thành-lập cái lớp thứ ba gọi là phiền-não-trực.

Lại như trong tâm ông cả ngày sanh-diệt không thôi, tri-kiến thường muốn lưu mãi nơi thế-gian, nghiệp-báo xoay vần lại thường đời đời trong các cõi, hai cái giao xen giả-dối thành-lập cái lớp thứ tư gọi là chúng-sanh-trực.

Lại cái thấy cái nghe của ông vốn không tánh riêng khác, vì các trần chia cách nên không có chi mà sanh ra khác nhau. Trong tánh vẫn biết nhau, trong dụng thì trái nhau; cái đồng, cái dị toàn không chuẩn-đích, giao xen lẫn nhau, giả-dối thành-lập cái lớp thứ năm gọi là mạng-trực.

A-Nan, ông muốn khiến cái thầy nghe hay biết xa hiệp với đức Thượng, đức Lạc, đức Ngã, đức Tịnh của Như-Lai thì trước hết phải lựa bỏ cái cội gốc sống chết, nương theo cái Bất-sanh-diệt mà thành-lập tánh viên-trạm. Ông lấy cái viên-trạm xoay các sanh-diệt hư-vọng trở về trong tánh nguyên-giác cho đặng tánh bất-sanh-diệt của nguyên-giác để làm cái tâm nơi nhơn-địa thì về sau mới viên-thành được chỗ tu-chứng nơi quả-địa.

Cũng như lòng nước đục, đựng nước nơi một đồ yên-lặng, lặng mãi không lay động, đất cát tự chìm xuống, nước trong tự hiện ra thì gọi là bắt đầu đoạn-trừ được khách-trần phiền-não; gạt bùn cho hết, còn thuần nước trong, thì gọi là đoạn hẳn cội gốc vô-minh. Cái minh đã tinh-thuần thì hết thấy các đều biến-hiện không sanh phiền-não và đều hiệp với diệu-đức thành-tịnh của niết-bàn.

(Còn nữa)

CHUYỆN CON RỪA

Vừa rồi một vị quan Nam-triều có biểu cho cụ Thượng thư Bộ Tư-pháp Bùi-bàng-Đoàn một con hôn. Vì lòng nhơn-tử sẵn có, nên Cụ thượng không đem làm thịt ăn, còn cho sơn vào hình con hôn một chữ B và sai người đem ra thả sông.

Một gương nhơn tử tỏ cho chúng ta thấy rằng các quan tòa-án, chẳng những biết lên án trừng trị kẻ có tội, mà cũng biết lấy lượng khoan-hồng bao dung kẻ vô tội.

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

NĂM 1940

(Sắc lệnh ngày 20 tháng 8 năm 1939 — Nghị-dịnh ngày
7 tháng 11 năm 1940)

Phát hành lần thứ ba : 1.200.000 vé

Chia ra làm **BỐN BỘ** (A-B-C và D) mỗi bộ 300.000 vé,
xổ ngày 4 tháng 11, 4 tháng 12, 4 tháng 1 và 4 tháng
2 năm 1941.

MỖI BỘ CÓ :

1 số trúng	10.000\$
10 — trúng	1.000.
90 — trúng	100.
330 — trúng	50.
600 — trúng	20.
1.500 — trúng	15.
6.000 — trúng	10.

Ba lô lớn chung cho bốn bộ là những lô này:

1 lô	20.000\$
1 lô	40.000
1 lô	100.000

Lô nào trúng mà không linh trước ngày 4 tháng 8
năm 1941 thì cuộc xổ số Đông-Pháp được hưởng.

CHÚ Ý. — Những vé hoặc trúng hoặc không trúng trong bốn
kỳ xổ riêng của bốn bộ cũng được dự vào cuộc xổ chung lấy
ba lô lớn.

PHẬT-GIÁO VẤN-ĐÁP

VỀ NGHI-THỨC TỤNG-NIỆM CỦA ANNAM PHẬT-HỌC-HỘI :

VỀ NGHI-THỨC *Phổ-thông*

Hỏi : Xưa nay trong Phật-giáo xứ ta đều tụng-niệm các bài chữ Nho, nay Hội đặt ra những bài tụng quốc-ngữ chẳng là trái với đạo Phật ngày xưa hay sao ? Lại xưa nay các bài tụng-niệm đều do các đức Phật, các vị Tổ làm ra, nay Hội tự tạo bài quốc-ngữ chẳng là tự tạo kinh-điền hay sao ?

Đáp : Trong các bài tụng-niệm đạo Phật nên phân-biệt các kinh và các bài tán-tụng. Các kinh là những lời Phật và các vị Bồ-tát dạy về nên không phép làm kinh khác, dầu là đúng với Phật-pháp, vì e cát vàng lộn lạo, khó phân-biệt chỗ tà chỗ chánh. Song muốn lưu-thông Phật-giáo, ngày xưa các vị Tổ-sư vẫn dịch chữ Phạm ra chữ Tàu, vậy ngày nay nếu chúng ta có thể dịch kinh đúng-đáng ra quốc-âm để lưu-thông thì chẳng những không tội lỗi mà có lẽ còn được nhiều công-đức nữa. Đến như các bài tán là những lời khen ngợi công đức, các bài tụng là những lời phát-nguyện, hồi-hương, các bài ấy, mỗi người đều có thể khen-ngợi phát-nguyện theo tâm-trí của mình, chớ không phải bắt-di bắt-dịch như các kinh-điền. Chính các bài tụng Hán-văn cũng chỉ là những lời khen ngợi phát-nguyện của các vị tiền-bổ, chép đề cho người đời sau học theo đó mà ngợi-khen phát-nguyện mà thôi ; do vậy nên mỗi tôn-phái, cho đến mỗi chi đặng, đều có những bài tán-tụng khác nhau. Trong xứ ta xưa nay chỉ đọc theo các bài chữ Nho, nhưng phần đông chỉ đọc suông, không hiểu nghĩa, nên tuy tán mà chưa hề phát cái tâm

khen-ngợi công-đức, tuy tụng nhưng chưa hề khởi cái tâm phát-nguyện hồi-hướng, nhưn đó không được lợi-ích mấy trong đường tu-tập. Vì vậy nên chúng tôi làm ra bài tụng quốc-ngữ để cho tín-đồ đạo Phật vừa đọc thì đã hiểu liền, và có thể phát-tâm đúng Pháp trong khi tụng-niệm.

Hỏi: Các câu chú, thấy đọc khác lối thông-thường là vì có gì ?

Đáp: Vì chúng tôi đọc theo tiếng Phạm.

Hỏi: Vậy các câu chú thường đọc không theo tiếng Phạm hay sao ?

Đáp: Các câu chú ấy trong lúc dịch âm ra chữ Tàu vẫn theo tiếng Phạm, nhưng cần phải đọc y như người xứ dịch kinh trong thời dịch kinh mới đúng. Hiện nay chúng ta đọc chữ theo tiếng Annam nên sai-suyễn nhiều lắm.

Hỏi: Nếu sai-suyễn thì lẽ phải sửa đổi hết các câu chú, có sao chỉ sửa đổi trong Nghi-Thức Phổ-thông mà thôi ?

Đáp: Có hai duyên cớ : Một đều thứ nhất là chúng tôi chưa học Mật-Tôn nên chưa chắc đọc hết các câu chú y như chữ Phạm. Điều thứ hai là dầu có thể sưu-tập mà đọc gần đúng đi nữa, nhưng ở xứ ta một phần lớn trong sơn-môn và trong tín-đồ còn đọc theo lối cũ, nếu đọc theo lối mới thì không thể tụng chung với nhau được trong các nghi-lễ. Đến như Nghi-Thức Phổ-thông là để tụng-niệm một mình thì nên tập tụng bằng chữ Phạm cho đúng.

2) Về Nghi-Thức Tịnh-Độ.

Hỏi: Bài tán Hương tán Phật có chỗ sai với bài cũ, xin cắt nghĩa vì sao ?

Đáp : Như trên đã nói, những bài tụng tán là tùy theo ý nghĩ của mình, không phải bất-di bất-dịch như các kinh-điền. Trong bài cử, câu đầu « Nguyên thử hương hoa vân » là nói cả hương và hoa, nhưng về sau chỉ nói đến hương mà không nói đến hoa, thì cái chữ hoa là một chữ vô-vị nên bỏ ; lại hoa mà thành vân là một điều rất khó quán-tưởng, vì vậy nên thay làm hai chữ diệu-hương. Trong hai chữ diệu-hương chẳng những nói cái hương của cây hương mà cũng có thể nói đến cái hương của các hoa thơm được. Lại câu thứ nhì là « Biến mãn thập-phương-giới », vậy cái hương cần phải đến chỗ diệu-hương mới có thể biến-mãn thập-phương, chớ ngoài cái diệu-tánh của cái hương ra thì không cách gì mà biến-mãn thập-phương được, như vậy nên phải đặt chữ diệu cho đủ ý nghĩa.

Trong bài cử, câu thứ sáu là « Cập nhất thể thiên-tiên » ; hai chữ thiên-tiên rộng quá và có thể lạm với các thiên-tiên ngoại đạo, là những hạng mà đệ-tử Phật không nên qui-y cúng dường. Trái lại, có những vị tuy không phải thiên-tiên, không phải thanh-văn mà rất đáng cúng dường, là những vị thánh-hiền như Duyên-giác, Độc-giác, Hộ-Pháp. v. v... Như vậy nên đổi hai chữ thánh-hiền cho đúng hơn.

Các câu tiếp sau trong bài cử là :

Dĩ khỉ quang-minh đài,
Biến-mãn thập-phương giới.
Vô-biên Phật độ trung,
Thọ-dụng tác Phật-sự.

Hai chữ dĩ-khỉ về công-dụng thì đúng, về vô-công-dụng thì không được đúng, nên đổi làm hai chữ duyên-khỉ cho trùm cả công-dụng và vô-công-dụng lại đúng với pháp-giới duyên-khỉ.

Ba câu :

Biến-mãn thập-phương giới,
Vô-biên Phật độ trung,
Thọ dụng tác Phật sự,

ý và chữ có trùng với các câu trước mà vẫn không chỉ hết cái diệu-dụng của chơn-như nên cần đổi lại bằng câu :

Xứng tánh tác Phật - sự,

văn dã ngân mà ý-nghĩa lại đủ hơì ; vì xứng-tánh là căn với pháp-giới-tánh ; căn với pháp-giới-tánh tức là cùng cả thập-phương, cùng cả vô-biên Phật-sát, lại có cái nghĩa bất-biến tùy-duyên, tùy-duyên bất-biến, và có cái nghĩa như như bình-đẳng, đồng-thê đại-bi, chớ không phải chỉ nói chỗ rộng lớn mà thôi.

Trong bài cũ, hoặc chỉ nói đến câu : « Giai phát bồ-đề tâm » là hết hoặc thêm bài : « Dung-nhan thậm kỳ-diệu » là một bài tán Phật ; hiện trong Nghi-Thức tiếp sau có bài tán Phật rồi thì không cần thêm bài : « Dung-nhan thậm kỳ-diệu » nữa ; lại nếu chỉ nói « Giai phát bồ-đề tâm » thì làm người chưa rõ phát bồ-đề tâm để làm gì, nên cần thêm hai câu :

Viễn-ly chư vọng-nghiệp,

Viên-thành vô-thượng-đạo,

cho đủ ý-nghĩa.

Trong bài tán Phật, câu thứ năm, bài xưa thì đề câu : « Ngã kim tạm qui-y » (tôi nay tạm-thời qui-y) có hai đều không hay. Một là chỉ nói phần mình mà không nói đến kẻ khác, hai là nói mình hiện nay tạm-thời qui-y, in tuồng cả đời, cả ngày không qui-y đến. Lại nói là tạm-thời thì cái thời-gian đó có thể là một vài giờ đồng-hồ, không đủ miêu-tả công-đức vô-lượng của Phật. Nhon vậy nên cần đổi bằng câu « Ư nhứt-niệm qui-y » để hô-ứng với câu « năng diệt tâm kỳ nghiệp ». Trong câu đó chỉ rõ rằng qui-y trong một niệm đã diệt được tội-nghiệp trong vô-số kiếp, thì qui-y trong vô-lượng-niệm sẽ được diệt tội-nghiệp trong vô-lượng vô-số kiếp. Như vậy đã đúng lý lại hiệp-pháp hơn nữa.

(còn nữa)

TIÊU-TỨC

Tin trong hội

Tỉnh-Hội Thừa-Thiên. — Công việc mà tỉnh-hội quan tâm nhất là việc đức-tượng. Ngày rằm tháng bảy, tỉnh hội đã làm lễ rớt đồng Ảnh-hương lễ ấy rất lớn, các quan chức và các thiện-tin đến dự rất đông, (xem bài tường-thuật của France-Annam đăng số trước).

Tỉnh-hội Tourane. — Ngày rằm tháng năm, đạo-hữu Phạm-vân-Siêu diễn về chánh niệm, tà niệm. Rằm tháng sáu, cũng đạo-hữu ấy, nói về « Mục-đích thanh-niên hiện thời đối với Phật-Pháp ». Trong ngày rằm, tỉnh-hội lại có làm lễ cầu-siêu cho chiến sĩ trận vong.

Tỉnh-Hội lại có tổ-chức tại hội-quán lễ thành-hôn của thầy Nguyễn-mạnh-Thuyên và cô Nguyễn-khoa Diệu-Khâm.

Tỉnh-hội có lập lớp dạy con cháu hội-viên những điều thường-thức và tụng-niệm do hai đạo-hữu Phạm-vân-Siêu và Đỗ-Lâm trông nom. Số học sinh được 35 trò.

Số hội-viên đến cuối tháng Juillet : 376.

Tỉnh-Hội Faifoo. — Tỉnh-hội có tổ-chức cuộc Lạc-quyên giúp hội Hồng-thập-Tự. Số tiền thầu được là 50\$00.

Số hội-viên đến cuối tháng Juillet : 491.

Tỉnh-Hội Quảng-Ngãi. — Đạo-hữu Nguyễn-tấn-Đức nói về « Tinh-thần Phật-Pháp với tinh-thần Hương-Đạo ».

Số hội-viên đến cuối tháng Juillet : 2.848.

Tỉnh-Hội Bình-Thuận. — Đạo-hữu Cao-xuân-Lê giảng về vấn-đề « Sự cần thiết phải nghiên cứu Phật-Pháp ».

Tỉnh-hội có lập một Ban Đông-Ấu biết hộ-niệm.

Số hội-viên đến cuối tháng Juillet : 509.

MỖI NGƯỜI PHẬT-GIÁO-ĐỒ

nên rõ biết lịch-sử của đức Thích-Ca

Lâu nay đạo nào cũng phải có một vị Giáo-chủ, là người sáng-tạo đạo ấy: như Phật-giáo thì có đức Thích-Ca, Thiên-chúa-giáo thì có đức Gia-tô, Nho-giáo thì có đức Khổng-Tử, Đạo-giáo thì có đức Lão-Tử, Hồi-giáo thì có đức Mục-Hãn-Mật-Đức, vân vân...

Vậy người tu đạo nào, trước hết cần phải biết rõ lịch-sử ông Giáo-chủ đạo của mình trong lúc ban sơ người tu hành cách nào mà sáng-lập nên đạo đó, người làm những công-hạnh gì có lợi-ích cho xã-hội nhơn-quần mà mình phải tín-ngưỡng.

Thử hỏi một đấng con nít tu đạo Thiên-chúa có biết sự-tích đức Gia-tô ra sao, thì thấy nó bắt đầu kể đi không sót một chuyện; còn bên đạo Phật ta mà nếu hỏi thử sự-tích đức Thích-Ca ban sơ ngài từ đâu đi đến và sau ngài thành Phật độ-sanh bằng cách nào, thì trong trăm người chưa chắc đã có mười người biết được.

Bởi thế nên nay tôi định rút sự-tích của Phật Thích-Ca đã đăng từ đoạn trong tạp-chí « Từ-Bi-Ấm » hồi năm 1932 và năm 1933 mà in thành một quyển sách riêng, để cho chư-quí độc-giả tiện lễ nghiên-cứu.

Truyện ấy xưa nay cũng đã có nhiều học-giả Đông-Tây phiên-dịch, song xét lại chưa có bản nào chép được rõ ràng tường-tất như « Từ-bi-Ấm ».

Nguyên trước khi Đức Thích-Ca thành Phật, thì ngài cũng là một người phàm như chúng ta, cũng chết đi sanh lại, cũng thay xác đổi hình, và cũng lăn-lộn trong ba cõi sáu đường, khi làm thú-vật, lúc làm quỷ-thần, khi làm tiên, lúc làm người, khi làm vua, lúc làm dân, khi làm kẻ sang giàu, lúc làm người nghèo-khổ không thể kể xiết.

Tiền-thân của ngài trong đời quá-khứ cũng đã có lược diễn lần-hồi trong tạp-chi «*Từ-Bi-Âm*» và cũng đã có rút ra in thành sách riêng rồi.

Nay định xuất-bản quyền sách «**Lược truyện Phật Thích-Ca**» cho đồng-nhơn rõ biết cái lịch-sử trong đời hiện-tại của Ngài, từ lúc giáng-sanh cung vua, lúc bỏ ngôi báu, vợ hiền mà xuất-gia hành-đạo, cho đến lúc chứng-quả, lúc độ-sanh, và lúc nhập Niết-bản, trước sau trong một thời-gian 80 năm, biết bao nhiêu công-hạnh khó-khăn về phần tự-hành và biết bao nhiêu ân-đức to lớn về phần cứu-thế, mà dựng nên một nền triết-học cao-thượng để lưu-truyền đến ngày nay, đặng làm cho chúng-ta phải nên sùng-tái.

Vả lại trong quyền sách «**Lược truyện Phật Thích-Ca**» này, cứ tùy theo mỗi sự-tích thì có mỗi bức họa-tượng, từ hình người cho đến y-phục và lễ-pháp, đều giống in phong-tục bên xứ Ấn-độ, khiến cho ai xem đến cũng như trông thấy những việc hiện-thật trong đương-thời mà không cùng nỗi cảm-khái.

Thiệt là một quyền sách rất có bổ-ích cho người nghiên-cứu về lịch-sử Phật.

Cuốn sách «**Lược truyện Phật Thích-Ca**» này có 53 bức họa-tượng của Phật, định chia ra ba quyền mà xuất-bản, đề làm phụ-trương «*Từ-bi-Âm*» kể từ kỳ tới đây.

Vì mỗi bức họa-tượng của Phật phải in riêng mới xem thấy rõ ràng và vì giấy mực trong lúc này lên giá, nên định cho thỉnh mỗi quyền là 0\$60 còn mỗi bộ (3 quyền) là 1\$80 và 0\$14 tiền cước-phí nữa, hiệp cộng lại là 1\$94.

Thơ và mandat mua sách ấy xin gởi cho :

M. TRẦN - NGUYỄN - CHẨN

Chủ-nhiệm «*Từ-bi-Âm*»

Chùa Linh-Sơn 149, đường Douaumont (Saigon)

Danh sách các vị cúng tiên đức Trượng Phật tỉnh Hội Thừa-thiên

(tiếp theo)

MM. Nguyễn-cửu-Chiêu	5.00	MM. Đinh-thị-nhật Tự Hành	5.00
M ^{me} Tống-thị-Đê	5.00	M ^{me} Ng. như-Hoàn đite Chất	1.00
Công-lớn-nữ-thị Uyên	1.00	Mme Trần	1.00
Ngô-dinh-Sum	2.00	Nguyễn-thị-Cúc	1.00
Lê-thị-Hoan	1.00	Nguyễn-thị-Sốt	1.00
Lê-chí-Huệ	1.00	Nguyễn-Trọng	2.00
Bà cung-nhơn-Ngô-thị-Lang	1.00	Dương-thị-Loan	3.00
M ^{me} Nguyễn-thị-diệu-Hương	1.00	Nguyễn-thị-Thông	1.00
Hoàng-hữu-Khác	5.00	Cung-vân-Quyền	1.00
Nguyễn-thị-Lựu	2.00	Mm Phan-thị-Bôi	10.00
Nguyễn-thị-Cả	2.00	Chùa-vân-Phước	3.00
Lê-vân-Lộc	5.00	Lê-vân-Vọng	2.00
Phan-Mưu	5.00	Phạm-Nghị	10.00
Võ-Lợi	0.50	Tôn-thất-Tùng	5.00
Tôn-nữ-thị-Tùng	3.00	Mai-Duân	1.00
Lê-vân-Khiên et		Nguyễn-Phước	1.00
Nguyễn-thị-Toại	1.00	Bừu-Cán	1.00
Vây-Thẩm, Hồ-Quy, Phạm-		Hoàng-Thiện	2.00
Khuông, Ngô-Hồ, Ng. Mau	5.00	Dạng-Luân	4.00
Nguyễn-công-Tuyệt	3.00	Trương-Tú	3.00
Trương-ngọc-Sóc	2.00	Trần-Chuẩn	2.00
Trương-Huy	3.00	Huỳnh-Sung	3.00
Hoàng-Cát	2.00	Trần-Tiểu	3.00
An-Nhơn	15.00	Phùng-Liên	2.00
Phạm-ngọc-Thức	1.00	Ngô-Hươn	1.00
S.E. Ưng-Bàng (hiếu quân)	20.00	Trương-vân-Lãng	2.00
Trương-Thảo	5.00	Nguyễn-Triêm	1.00
Trương-mạnh-Trình	1.00	Nguyễn-xuân-Tiểu	2.00
Tôn-thất-Bằng	10.00	Trương-dủ-Liêu	1.00
Tôn thất-Tùng	5.00		

(còn nữa)

KINH - CAO

Các ngài muốn kháo cứu triết-lý của đạo Phật.
Các ngài muốn biết rõ tâm tánh của mình,
Các ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ hoàn toàn

HÀ Y ĐỌC **VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN**

Một tờ tạp-chí chuyên chú về Đạo Phật do
An-Nam-Phật-Học-Hội (SEERBA) xuất-bản.

Chủ-nhiệm : Hội-trưởng hội An-Nam-Phật-Học : **NGUYỄN-ĐÌNH-HỒI**

Thơ từ, bài vở đăng Viên-Âm, xin gửi cho Chủ-bút : **LÊ-ĐÌNH-THÂM**
Médecin Indochinois, Hôpital Central, boîte postale N° 73, Hué,

Mua báo, trả tiền báo, đăng quảng-cao, xin gửi cho Quản-lý : **TRẦN-ĐÌNH**
Boîte postale N° 29, Hué

GIÁ : Một năm : 2\$00 Sáu tháng : 1\$10 Mỗi số : 0\$20
Hội-viên Hội An-Nam Phật-Học muốn hưởng 25%
giá báo, xin dó các hội-trưởng tỉnh-hội gửi mua.

NHÀ-IN MIRADOR (VIEN-DE)

TUY LÀ MỘT NHANH PHỤ CỦA HIỆU

KHUYNH - DIỆP

Lập ra cỡ để in giấy-má, toa-nhân cần dùng
trong việc phát-hành các thứ dầu, nhưng
nhà-in Mirador là một nhà-in lớn, có đủ
máy móc tối tân lại có nhiều lối chữ
rất khéo. Công việc làm mau chóng và
đẹp đẽ, giá cả khi nào cũng phải chăng,
nên phần nhiều các việc in của các sở công,
sở tư, thường giao cho Mirador làm cả.

Thơ từ, vở : Maison VIEN-DE ở HUÉ; Giấy-thếp tấ : VIENDE HUE; Giấy-nói : 87